

Số: 13/2022/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 21 tháng 01 năm 2022

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008, Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Nghị định số 86/2012/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Đo lường

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Luật Đo lường ngày 11 tháng 11 năm 2011;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008, Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Nghị định số 86/2012/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Đo lường.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 và Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa

1. Sửa đổi, bổ sung điểm k khoản 7 Điều 7 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa (sau đây viết tắt là Nghị định số 132/2008/NĐ-CP) được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa (sau đây viết tắt là Nghị định số 74/2018/NĐ-CP) như sau:

“k) Nguyên liệu, vật tư, hàng mẫu để gia công cho nước ngoài, để sản xuất hàng xuất khẩu; nguyên liệu để sản xuất hàng hóa tiêu thụ nội địa, lưu thông trên thị trường trong trường hợp hàng hóa đã được quản lý chất lượng theo quy

chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng (trừ nguyên liệu nhập khẩu để sử dụng sản xuất phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản và phụ tùng, linh kiện, tổng thành, hệ thống của phương tiện giao thông thuộc sản phẩm, hàng hóa nhóm 2).”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm p khoản 7 Điều 7 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP như sau:

“p) Các loại hàng hóa khác không nhằm mục đích kinh doanh (loại hình phi mậu dịch) theo quyết định của Bộ trưởng bộ quản lý ngành, lĩnh vực.”.

3. Bổ sung Mục 8 Chương II “Quản lý về truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa” tại Nghị định số 74/2018/NĐ-CP và bổ sung Điều 19đ trong Mục 8 như sau:

“Mục 8

QUẢN LÝ VỀ TRUY XUẤT NGUỒN GỐC SẢN PHẨM, HÀNG HÓA

Điều 19đ. Quản lý nhà nước về truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa

1. Bộ Khoa học và Công nghệ:

a) Giúp Chính phủ quản lý nhà nước về hoạt động truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa;

b) Hướng dẫn nâng cao năng lực kỹ thuật cho hoạt động truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa và hỗ trợ phát triển sản phẩm, hàng hóa chủ lực, phát triển kinh tế-xã hội của các bộ quản lý ngành, lĩnh vực và địa phương;

c) Quy định hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu;

d) Quản lý sử dụng mã truy vết sản phẩm, mã truy vết địa điểm và vật mang dữ liệu;

đ) Quản lý tổ chức triển khai, thực hiện truy xuất nguồn gốc đối với sản phẩm, hàng hóa trong phạm vi, lĩnh vực được phân công quản lý.

2. Các bộ quản lý ngành, lĩnh vực chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ quản lý tổ chức triển khai thực hiện truy xuất nguồn gốc đối với sản phẩm, hàng hóa trong phạm vi, lĩnh vực được phân công quản lý.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phối hợp với các bộ quản lý ngành, lĩnh vực tổ chức triển khai thực hiện hoạt động truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa tại địa phương.

4. Căn cứ nhu cầu quản lý, các bộ quản lý ngành, lĩnh vực xác định sản phẩm, hàng hóa phải thực hiện truy xuất nguồn gốc và công bố công khai trên Cổng thông tin điện tử của bộ quản lý ngành, lĩnh vực.”.

4. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 Điều 32 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 14 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP như sau:

“d) Bộ Xây dựng:

- Công trình xây dựng dân dụng, công trình công nghiệp, công trình hạ tầng kỹ thuật, phương tiện quảng cáo ngoài trời thuộc phạm vi quản lý nhà nước theo quy định pháp luật;

- Vật liệu xây dựng;

- Kiến trúc, quy hoạch xây dựng bao gồm: quy hoạch xây dựng vùng; quy hoạch xây dựng đô thị; quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn; quy hoạch xây dựng khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao; quy hoạch xây dựng các cửa khẩu biên giới quốc tế quan trọng thuộc phạm vi quản lý nhà nước theo quy định pháp luật;

- Hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao thuộc phạm vi quản lý nhà nước theo quy định pháp luật;

- Máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động thuộc trách nhiệm quản lý của bộ theo quy định pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động;

- Dịch vụ trong lĩnh vực xây dựng.”.

5. Sửa đổi điểm 1 khoản 2 Điều 32 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 14 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP như sau:

“1) Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch: trang thiết bị luyện tập, thi đấu của các cơ sở thể dục thể thao và của các môn thể thao.”.

6. Sửa đổi điểm g khoản 3 Điều 32 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 14 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP như sau:

“g) Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch: trang thiết bị luyện tập, thi đấu của các cơ sở thể dục thể thao và của các môn thể thao.”.

7. Bổ sung điểm h khoản 3 Điều 32 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 14 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP như sau:

“h) Bộ Xây dựng: phương tiện quảng cáo ngoài trời thuộc phạm vi quản lý nhà nước theo quy định pháp luật.”.

Điều 2. Bãi bỏ một số điều và thay thế một số biểu mẫu Nghị định số 132/2008/NĐ-CP, Nghị định số 74/2018/NĐ-CP và Nghị định số 86/2012/NĐ-CP

1. Bãi bỏ khoản 2 Điều 19b Nghị định số 132/2008/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP.

2. Bãi bỏ Điều 19d Nghị định số 132/2008/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP.

3. Bãi bỏ Mẫu số 15, Mẫu số 16, Mẫu số 17, Mẫu số 18 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 74/2018/NĐ-CP.

4. Bãi bỏ khoản 2 Điều 17 Nghị định số 86/2012/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đo lường.

5. Thay thế Mẫu số 12, Mẫu số 14 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 74/2018/NĐ-CP bằng Mẫu số 12, Mẫu số 14 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực từ ngày 15 tháng 3 năm 2022.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX (2b). *110*

**TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Vũ Đức Đam
Vũ Đức Đam



Phụ lục

*(Kèm theo Nghị định số 13/2022/NĐ-CP
ngày 21 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ)*

Mẫu số 12	Đơn đăng ký sử dụng mã số mã vạch
Mẫu số 14	Giấy chứng nhận quyền sử dụng mã số, mã vạch

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐƠN ĐĂNG KÝ SỬ DỤNG MÃ SỐ, MÃ VẠCH¹

Thông tin tổ chức:

Tên bằng tiếng Việt*:

Tên bằng tiếng Anh (hoặc tiếng Việt không dấu):

Số Quyết định thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư*:

Ngày cấp*: Cơ quan cấp*:

Địa chỉ*:

Điện thoại*: Email:

Đăng ký trích nợ tự động (Điền ✓ vào ô trống):

- Qua tài khoản Qua ví điện tử
 Qua thẻ ngân hàng Khác (Other):.....

Lĩnh vực hoạt động (Điền ✓ vào ô trống):

- Sản xuất Thương mại Bán lẻ
 Dịch vụ Khác:.....

Chúng tôi xin đăng ký sử dụng loại mã* (Điền ✓ vào ô trống):

<input type="checkbox"/> Tiền tố mã doanh nghiệp (GSI Company Prefix GCP)	<input type="checkbox"/> Mã doanh nghiệp GS1 loại 12 số (GCP-12)
	<input type="checkbox"/> Mã doanh nghiệp GS1 loại 10 số (GCP-10)
	<input type="checkbox"/> Mã doanh nghiệp GS1 loại 9 số (GCP-9)
	<input type="checkbox"/> Mã doanh nghiệp GS1 loại 8 số (GCP-8) ²
<input type="checkbox"/> Mã địa điểm toàn cầu GLN ³ (Global Location Number)	<input type="checkbox"/> Dành cho địa điểm vật lý (Physical location)
	<input type="checkbox"/> Dành cho địa điểm số (Digital location)
	<input type="checkbox"/> Dành cho pháp nhân (Legal entity)
	<input type="checkbox"/> Dành cho đơn vị chức năng (Functional entity)
<input type="checkbox"/> Mã thương phẩm toàn cầu 8 chữ số EAN-8 (GTIN-8) ³	

* Trường thông tin bắt buộc kê khai.

¹ Các thông tin kê khai có thể được cập nhật phù hợp với yêu cầu của Tổ chức mã số, mã vạch quốc tế GS1.

² Chỉ áp theo khuyến cáo của Tổ chức mã số, mã vạch quốc tế GS1.

³ Danh mục mã địa điểm, thương phẩm gửi kèm.

Đại diện tổ chức *

Chức danh	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị	Điện thoại	Hòm thư điện tử (Email)
Đại diện có thẩm quyền				
Người liên lạc chính				

Chúng tôi cam đoan thông tin kê khai trên là đúng và cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật liên quan đến mã số, mã vạch, các quy định về phí và các điều khoản sau đây:

- Chỉ sử dụng mã số đã được cấp cho các sản phẩm, dịch vụ của mình;
- Thực hiện đúng các quy định về nộp phí và nộp phí duy trì theo quy định của pháp luật;
- Khi vì lý do nào đó (bị giải thể, phá sản, v.v...) không còn nhu cầu sử dụng mã số đã được cấp, chúng tôi sẽ thông báo bằng văn bản cho Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng trong thời gian 01 tháng kể từ ngày giải thể hoặc phá sản;
- Nếu đổi tên, tư cách pháp nhân hoặc địa chỉ, chúng tôi sẽ thông báo cho Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng trong thời gian 01 tháng kể từ ngày có thay đổi để làm thủ tục đổi giấy chứng nhận.

..., ngày... tháng... năm...

LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC

(Ký tên, đóng dấu)

1. Danh mục địa điểm cần đăng ký mã địa điểm toàn cầu GLN

STT	Loại mã GLN ⁴	Tên/Mô tả	Địa chỉ	Ghi chú

2. Danh mục mã thương phẩm toàn cầu 8 chữ số EAN-8 (GTIN-8) cần đăng ký

STT	Tên sản phẩm	Mô tả sản phẩm	Ghi chú

⁴ Loại mã GLN bao gồm: Địa điểm vật lý (Physical location)/Địa điểm số (Digital location)/Pháp nhân (Legal entity)/Đơn vị chức năng (Functional entity)

Mẫu Giấy chứng nhận quyền sử dụng MSMV

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
MINISTRY OF SCIENCE AND TECHNOLOGY

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
DIRECTORATE FOR STANDARDS, METROLOGY AND QUALITY

*Căn cứ Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 và Nghị định số...../20...../NĐ-CP
ngày...../...../20..... của Chính phủ,
Based on the Decree No 74/2018/NĐ-CP dated 15/5/2018 and the Decree No/20...../NĐ-CP
dated/...../20..... of the Government,*

CHỨNG NHẬN*Certifying*

<<TÊN DOANH NGHIỆP>>
<<NAME OF COMPANY>>

Địa chỉ
Address

<<Địa chỉ >>

được quyền sử dụng mã số sau đây:
to have right of using the following

Mã doanh nghiệp GS1
GS1 Company Prefix

<<Mã>>

Mã địa điểm toàn cầu GLN
Global Location Number GLN

<<Mã>>

<<Mã>>

Ngày hết hiệu lực: <<dd/mm/yy>>
Period of Validation

Số giấy chứng nhận
Registered No

Số đăng ký:
Reference No

Hà Nội, <<dd/mm/yyyy>>
TỔNG CỤC TRƯỞNG
DIRECTOR GENERAL